TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/10/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán -chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Mai
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Tống Thị Điệp
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2018/TLST-HNGĐ ngày 31/5/2018 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 24/9/2018 giữa các đương sự:

****/ Nguyên đơn*:** Chị Huỳnh Tuyết L, sinh năm 1976
Địa chỉ: 30/10/1 đường 19/5, phường E, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk.
Nơi cư trú: 27 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk (có mặt)

****/ Bị đơn***: Anh Phạm Duy Q, sinh năm 1973
Nơi cư trú: 30/10/1 đường 19/5, phường E, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Duy Q chung sống với nhau có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 21/01/1997 tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk lắk. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2001 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh Q sống không hợp nhau nên hay cãi vã, anh Q còn hay uống rượu và đánh đập chị nên chị không thể sống chung được với anh Q và đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn thương yêu anh Q nữa nên mong muốn được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Q có 02 con chung là cháu Phạm Kiều T, sinh ngày 18/9/1997 và cháu Phạm Duy H, sinh ngày 30/11/2000. Hiện nay 02 con đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị có nguyện vọng xin nuôi cháu Phạm Duy H và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con còn cháu Phạm Kiều T hiện nay đã trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là tùy cháu quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh Phạm Duy Q biết nhưng anh Q không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã đi xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Q đang còn cư trú thì chính quyền địa phương cho biết hiện nay anh Q đang còn cư trú tại địa phương. Vợ chồng chị Huỳnh Tuyết L và anh Phạm Duy Q chung sống tại địa phương thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không thành .Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút, bổ sung, thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện mà vẫn giữ nguyên yêu cầu và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Huỳnh Tuyết L yêu cầu xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Phạm Duy Q, nơi cư trú: 30/10/1 đường 19/5, phường E, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Ly hôn và nuôi con", đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Q biết và ấn định thời gian để anh Q có ý kiến về việc khởi kiện xin ly hôn của chị L nhưng anh Q không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời tại phiên toà lần thứ hai chị L cũng không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Tuyết L và anh Phạm Duy Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và

bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân đến năm 2001 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L và anh hay cãi vã nhau, anh Q còn hay đánh đập chị L và từ năm 2014 đến nay chị L và anh Q đã sống ly thân nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Tuyết L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

……..

Về con chung: Giữa chị L và anh Q có 02 con chung là cháu Phạm Kiều T, sinh ngày 18/9/1997 và cháu Phạm Duy H, sinh ngày 30/11/2000. Hiện nay cháu Phạm Kiều T đã trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là tùy cháu quyết định Tòa án không xem xét còn cháu Phạm Duy H có nguyện vọng ở với chị L nên cần giao cháu Hưng cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241; Điều 266;Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Tuyết L

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Tuyết L được ly hôn với anh Phạm Duy Q.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Duy H, sinh ngày 30/11/2000 cho chị Huỳnh Tuyết L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đến tuổi thành niên còn cháu Phạm Kiều Trang, sinh ngày 18/9/1997 hiện nay cháu đã trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là tùy cháu quyết định. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Phạm Duy Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Tuyết L phải chị án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do ông Nguyễn Đăng K nộp thay theo biên lại thu số AA/2017/0003868 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND phường Tự An; Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Lê Thị Mai